

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 32/2018/DS-ST

Ngày: 30-11-2018

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tùng Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Vạn Sinh;

2. Bà Hoàng Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Ông Từ Quốc Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2018/TLST-DS ngày 01/8/2018 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2018/QĐXXST-DS ngày 26/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2018/QĐST-DS ngày 13/11/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C; Địa chỉ: Phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Kim A; Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C, trình bày: Do quen biết nên ngày 25/4/2018 vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Kim A có vay của bà C, số tiền 60.000.000 đồng để làm ăn, thời hạn vay là 02 tháng từ ngày 25/4/2018 đến 25/6/2018, lãi suất thỏa thuận bằng miệng 1,5%/tháng. Tuy nhiên đã quá hạn trả nợ nhưng ông H, bà A không chịu trả cho tôi mà cố tình trốn tránh. Vì vậy, bà C, khởi kiện yêu cầu ông H, bà A phải trả cho tôi số tiền 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Kim A đã bỏ đi khỏi địa phương nơi cư trú tại tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk từ tháng 4/2018 cho đến nay; Tòa án đã niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tại nơi cư trú của ông H, bà A và tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B theo quy định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông H, bà A đã bỏ đi khỏi địa phương, đã được Tòa án triệu tập họp lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Chi, buộc bị đơn ông H, bà A phải trả cho bà C, số tiền 60.000.000 đồng; bà C, không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông H, bà A bỏ đi khỏi nơi cư trú tại tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk từ tháng 4/2018 cho đến nay, không thông báo với chính quyền địa phương cũng như báo cho bà C, được biết địa chỉ nơi ở mới của mình là cố tình che giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng về Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tại nơi cư trú của ông H, bà A trước khi bỏ đi và tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn ông H, bà A vẫn không có mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C, về việc yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Kim A phải trả số tiền 60.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Giấy vay tiền đề ngày 25/4/2018 do bà C, cung cấp thể hiện nội dung ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Kim A vay của bà Nguyễn Thị Kim C, số tiền

60.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng (từ ngày 25/4/2018 đến 25/6/2018). Theo yêu cầu của bà Chi, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký của ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Kim A trong Giấy vay tiền ngày 25/4/2018. Tại bản Kết luận giám định số 121/PC09 ngày 01/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: “1. Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Ngọc H dưới mục “người vay tiền” trong giấy vay tiền ngày 25/4/2018 (ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Ngọc H trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra. 2. Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Kim A dưới mục “người vay tiền” trong giấy vay tiền ngày 25/4/2018 (ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Kim A trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra.”

Như vậy, việc bà C, khởi kiện yêu cầu ông H, bà A phải trả số tiền 60.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015. Về lãi suất, bà C, không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra để xem xét. Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 để tính lãi suất giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

[4] Về tiền C, phí giám định: Ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Kim A có tình vắng mặt, nên bà C, đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của ông H, bà A, do yêu cầu của bà C, được chấp nhận, nên bà C, không phải chịu tiền C, phí giám định, ông H, bà A phải chịu tiền C, phí giám định chữ ký, chữ viết là 4.720.000đ, hoàn trả lại cho bà C, số tiền tạm ứng C, phí giám định là 4.720.000đ sau khi thu được của ông H, bà A là phù hợp với Điều 161, Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C, được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông H, bà A phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà C, 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là phù hợp với quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.
- Căn cứ khoản 3 Điều 26, a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 162, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Kim A phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim C, số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Về lãi suất, bà C, không yêu cầu tính lãi.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 để tính lãi suất giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

2. Về C, phí giám định: Ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu 4.720.000đ C, phí giám định, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim C, 4.720.000đ sau khi thu được của ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Kim A.

3. Về án phí:

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim C, 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0005353 ngày 30/7/2018 tại C, cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tx Buôn Hồ;
- C, cục THADS tx Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN THỊ TÙNG LÂM